

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: / TTKSBT-DVTTYT
V/v mời báo giá lấy mẫu,
xét nghiệm mẫu nước sạch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Quý đơn vị thực hiện lấy mẫu, xét nghiệm
mẫu nước sạch

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai kính mời các đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm, điều kiện gửi báo giá thực hiện lấy mẫu, xét nghiệm mẫu nước sạch tại 58 đơn vị cấp nước có công suất thiết kế từ 1.000 m³/ ngày đêm trở lên để thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai
2. Khoa/ phòng chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược – VTTYT.
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Trực tiếp hoặc qua bưu điện tại địa chỉ: Phòng Văn thư, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai, Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02563.548.956; Hoặc 177 Cách Mạng Tháng Tám, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai, điện thoại: 02693.824.372.

- Hoặc qua Email: khoaduocctksbtgialai@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 07 ngày kể từ ngày phát hành Công văn này. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày .../.../2026 (Quý đơn vị vui lòng ghi rõ ngày cụ thể khi gửi báo giá).

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các thông số cần báo giá: Theo phụ lục 1, 2 đính kèm.

Yêu cầu về hình thức báo giá:

- Báo giá phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có);

- Giá báo đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến thuế VAT, chi phí lấy mẫu, dụng cụ lấy mẫu, vận chuyển, xét nghiệm mẫu nước, ...

2. Địa điểm giao kết quả xét nghiệm:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai, địa chỉ: Khu C3, đường Điện Biên Phủ, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

3. Thời gian trả lời kết quả: Tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc lấy mẫu tại mỗi đơn vị cấp nước.

4. Yêu cầu mức độ đáp ứng về năng lực thí nghiệm, Quý đơn vị cần cung cấp:

- Quyết định thành lập hoặc giấy phép đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong lĩnh vực phân tích, thử nghiệm (bản sao).

- Các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025, danh mục phép thử được công nhận đáp ứng với phạm vi yêu cầu của gói thầu (bản sao).

- Cam kết phương tiện đo sử dụng trong thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán trong vòng 60 ngày sau khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng. Hợp đồng trọn gói.

Rất mong sự quan tâm và phối hợp của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT TTKSBT;
- Lưu: VT, Hồ sơ thầu.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Truyền

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ
Gói thầu: Lấy mẫu, xét nghiệm mẫu nước sạch tại 58 đơn vị cấp nước
có công suất thiết kế từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên để thực hiện xây dựng
quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng
cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Công văn số /TTKSBT-DVTTYT ngày /7/2026
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

STT	Danh mục	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
	a. Thông số vi sinh vật			
1	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)		Mẫu	58
2	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)		Mẫu	58
	b. Thông số hoá học			
3	Antimon (Sb)		Mẫu	58
4	Bari (Ba)		Mẫu	58
5	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)		Mẫu	58
6	Cadmi (Cd)		Mẫu	58
7	Chì (Plumbum) (Pb)		Mẫu	58
8	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)		Mẫu	58
9	Chromi (Cr)		Mẫu	58
10	Đồng (Cuprum) (Cu)		Mẫu	58
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃		Mẫu	58
12	Florua (Fluoride) (F ⁻)		Mẫu	58
13	Kẽm (Zincum) (Zn)		Mẫu	58
14	Mangan (Mn)		Mẫu	58
15	Natri (Na)		Mẫu	58
16	Nhôm (Aluminium) (Al)		Mẫu	58
17	Nickel (Ni)		Mẫu	58
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)		Mẫu	58
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)		Mẫu	58
20	Sắt (Ferrum) (Fe)		Mẫu	58
21	Seleni (Se)		Mẫu	58
22	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻)		Mẫu	58
23	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻)		Mẫu	58
24	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)		Mẫu	58
25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)		Mẫu	58

Thực hiện theo
 QCVN 01-
 1:2024/BYT
 ngày 01/7/2025
 của Bộ Y tế
 hoặc tương
 đương

STT	Danh mục	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
26	Xyanua (Cyanide) (CN ⁻)		Mẫu	58
	<i>Nhóm Alkan Clo hóa</i>			
27	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)		Mẫu	58
28	1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)		Mẫu	58
29	1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)		Mẫu	58
30	Carbon tetrachloride (CCl ₄)		Mẫu	58
31	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)		Mẫu	58
32	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₄)		Mẫu	58
33	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)		Mẫu	58
34	Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl)		Mẫu	58
	<i>Nhóm Hydrocacbua thơm</i>			
35	Benzene (C ₆ H ₆)		Mẫu	58
36	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)		Mẫu	58
37	Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O)		Mẫu	58
38	Styrene (C ₈ H ₈)		Mẫu	58
39	Toluene (C ₇ H ₈)		Mẫu	58
40	Xylene (C ₈ H ₁₀)		Mẫu	58
	<i>Nhóm Benzen Clo hóa</i>			
41	1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂)		Mẫu	58
42	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl)		Mẫu	58
43	Tổng Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃)		Mẫu	58
	<i>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>			
44	Acrylamide (C ₃ H ₅ NO)		Mẫu	58
45	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO)		Mẫu	58
46	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆)		Mẫu	58
	<i>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</i>			
47	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl)		Mẫu	58
48	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂)		Mẫu	58
49	1,3- Dichloropropene (C ₃ H ₄ Cl ₂)		Mẫu	58
50	2,4-D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃)		Mẫu	58
51	2,4 - DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃)		Mẫu	58
52	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂)		Mẫu	58
53	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)		Mẫu	58
54	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine		Mẫu	58
55	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃)		Mẫu	58

STT	Danh mục	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
56	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)		Mẫu	58
57	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)		Mẫu	58
58	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)		Mẫu	58
59	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)		Mẫu	58
60	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất		Mẫu	58
61	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)		Mẫu	58
62	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)		Mẫu	58
63	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O)		Mẫu	58
64	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)		Mẫu	58
65	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)		Mẫu	58
66	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)		Mẫu	58
67	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)		Mẫu	58
68	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)		Mẫu	58
69	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)		Mẫu	58
70	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)		Mẫu	58
71	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)		Mẫu	58
72	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅)		Mẫu	58
73	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)		Mẫu	58
	Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ			
74	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)		Mẫu	58
75	Bromat (BrO ₃ ⁻)		Mẫu	58
76	Formaldehyde (CH ₂ O)		Mẫu	58
77	Monochloramine (NH ₂ Cl)		Mẫu	58
	Nhóm Trihalomethane (THM)			
78	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)		Mẫu	58
79	Bromoform (CHBr ₃)		Mẫu	58
80	Chloroform (CHCl ₃)		Mẫu	58
81	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)		Mẫu	58
	Nhóm Halogenated acetonitrile			
82	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)		Mẫu	58
83	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)		Mẫu	58
84	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)		Mẫu	58
	Nhóm Haloacetic acid (HAA)			
85	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)		Mẫu	58
86	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)		Mẫu	58

STT	Danh mục	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
87	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)		Mẫu	58
	<i>c. Thông số nhiễm xạ</i>			
88	Tổng hoạt độ phóng xạ α		Mẫu	58
89	Tổng hoạt độ phóng xạ β		Mẫu	58
	Tổng cộng: 89 thông số			

Phụ lục 2
DANH SÁCH 58 ĐƠN VỊ CẤP NƯỚC CỔ CÔNG SUẤT THIẾT KẾ
1.000 M³/ NGÀY ĐEM TRỞ LÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Công văn số /TTKSBT-DVTTYT ngày /7/2026
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai)

STT	Đơn vị cấp nước	Địa chỉ	Số mẫu
A	GIA LAI ĐÔNG		
1	Trạm Cấp nước 146 Lý Thái Tổ	Phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	01
2	Nhà máy Xử lý nước Phú Tài	Phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai	01
3	Nhà máy xử lý nước Becamex	Xã Canh Vinh, tỉnh Gia Lai	01
4	Nhà máy Xử lý nước Tuy Phước	82 Đào Tấn, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai	01
5	Nhà máy Xử lý nước Nhơn Hoà	Tổ Phụ Quang, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	01
6	Nhà máy Xử lý nước Bình Định	Tổ Kim Châu, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai	01
7	Nhà máy Xử lý nước Đập Đá	345/32 Nguyễn Lữ, phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai	01
8	Nhà máy Xử lý nước Nhơn Thành	06 Võ Trứ, phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai	01
9	Nhà máy Xử lý nước Bình Dương	38 Nguyễn Bình Khiêm, xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai	01
10	Nhà máy Xử lý nước Bồng Sơn	Khu phố Trung Lương, phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai	01
11	Trạm Cấp nước Tăng Bạt Hổ	Đường Lê Quý Đôn, xã Hoài Ân, tỉnh Gia Lai	01
12	Nhà máy nước sạch Hoài Nhơn	Khu phố Thái Lai, phường Hoài Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai	01
13	Nhà máy nước sạch Mỹ Chánh	Thôn Đông An, xã An Lương, Gia Lai	01
14	Nhà máy nước sạch Phù Cát	Thôn Đại Hào, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai	01
15	Nhà máy nước sạch Phước Sơn	Thôn Tuân Lễ, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai	01
16	Nhà máy nước sạch Tây Giang	Thôn Thượng Giang 2, xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai	01
17	Nhà máy nước sạch Bình Tường	Làng Kon Giọt 1, xã Bình Phú, tỉnh Gia Lai	01
18	Nhà máy nước sạch Nhơn Tân	xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	01
19	Nhà máy nước sạch Vân Canh	Khu phố Hiệp Giao, xã Vân Canh, tỉnh Gia Lai	01
20	Nhà máy nước sạch Sông Vố	Thôn 6, xã An Lão, tỉnh Gia Lai	01
21	Nhà máy nước sạch Cát Tài	Thôn Thái Phú, xã Đê Gi, tỉnh Gia Lai	01
22	Nhà máy Xử lý nước Hà Thanh	Tổ 1, khu vực 8, Phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai	01
23	Nhà máy nước sạch Quy Nhơn	Khu phố Trung Tín 2, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai	01

24	Công trình Cấp nước sinh hoạt Tam Quan Bắc	Tổ dân phố Mỹ Bình 3, phường Hoài Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	01
25	Công trình Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tường	Thôn Chánh Lạc, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai	01
26	Công trình Cấp nước sinh hoạt xã Cát Hanh	Thôn Vĩnh Long, xã Hòa Hội, tỉnh Gia Lai	01
27	Công trình Cấp nước sinh hoạt xã Cát Khánh	Thôn Thắng Kiên, xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai	01
28	Nhà máy nước sạch Phù Mỹ	Thôn Bình Trị, xã Phù Mỹ, Gia Lai	01
29	Nhà máy nước sạch Mỹ Đức	Thôn Phú Hà, xã Phù Mỹ Bắc, tỉnh Gia Lai	01
30	Nhà máy nước sạch Mỹ Châu	Thôn Vạn Thiết, xã Phù Mỹ Bắc, tỉnh Gia Lai	01
31	Nhà máy nước sạch Mỹ Tài	Thôn Vĩnh Lý, xã Phù Mỹ Nam, Gia Lai	01
32	Nhà máy nước sạch Mỹ Lợi	Thôn Mỹ Phú Nam, xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai	01
33	Nhà máy Cấp nước Phước Thuận	Thôn Huỳnh Mai, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai	01
34	Nhà máy nước Phước Quang	Thôn Văn Quang, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai	01
35	Trạm Cấp nước sinh hoạt 3 xã Khu đông An Nhơn	Tổ dân phố Thuận Thái, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai	01
36	Trạm Cấp nước sinh hoạt Nhơn Phúc – Nhơn Khánh	Tổ dân phố Mỹ Thạnh, phường Bình Định, tỉnh Gia Lai	01
37	Hệ thống Cấp nước Phú Phong	198 Đồng Đa, Khối 1 A, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai	01
38	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi	Thôn Thủ Thiện Thượng, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai	01
39	Công trình hệ thống CN TT. Phú Phong	Khối Phú Văn, xã Tây Sơn, tỉnh Gia Lai	01
40	Công trình CN TT Ân Tường Tây	Thôn Phú Khương, xã Ân Tường, tỉnh Gia Lai	01
41	Nhà máy nước sạch Vĩnh Thạnh	Khu phố Định Tổ, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai	01
B	GIA LAI TÂY		
42	Công ty cổ phần cấp nước Chư Sê	vp: số 2, đường Phạm Văn Đồng, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	01
43	Ban quản lý và cung cấp nước sạch Chư Puh	Thôn Hoà Tín, xã Chư Puh, tỉnh Gia Lai	01
44	Ban quản lý Đăk Đoa	66 Trần Hưng Đạo, xã Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	01
45	Trạm cấp nước và dịch vụ đô thị xã Chư Păh	22 Phan Đình Phùng, xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai	01
46	Ban Quản lý chợ và Dịch vụ công ích xã Ia Grai	05 Hùng Vương, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	01
47	Ban lý xã Đức Cơ	Phan Đình Phùng, TDP3, xã Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	01
48	Trạm nước sinh hoạt Krông Pa	Ban quản lý Xã Phú Túc, 02-04 Quang Trung - xã Phú Túc - tỉnh Gia Lai	01

49	Nhà máy nước Biền Hồ - Công Ty CP Cấp thoát nước Gia Lai	157 Tôn Đức Thắng, xã Biền Hồ tỉnh Gia Lai	01
50	Công ty cổ phần cấp thoát nước Gia Lai - Đơn vị cấp nước Ayun Pa	45 Hồ Xuân Hương, Phường AyunPa, tỉnh Gia Lai	01
51	Ban Quản lý xã Phú Thiện	Phạm Ngọc Thạch xã Phú Thiện - Gia Lai	01
52	Trạm Quản lý nước và Công trình đô thị xã Kông Chro	Làng Nghe, xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai	01
53	Công ty cổ phần nước Sài Gòn- An Khê	12 Trần Quang Khải, Phường An Khê, tỉnh Gia Lai	01
54	Nhà máy Dốc Khảo Sát	Thôn 10 - xã Kbang - tỉnh Gia Lai	01
55	Nhà máy Đăk Lốp	Thôn 7 - xã Kbang - tỉnh Gia Lai	01
56	Nhà máy nước xã Đông - xã Nghĩa An	Thôn 14 - xã Kbang - tỉnh Gia Lai	01
57	Đội công trình giao thông xã Đăk Pơ	02 Trần Phú xã Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	01
58	Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn Pleiku	86 Phó Đức Chính, xã Biền Hồ, tỉnh Gia Lai	01